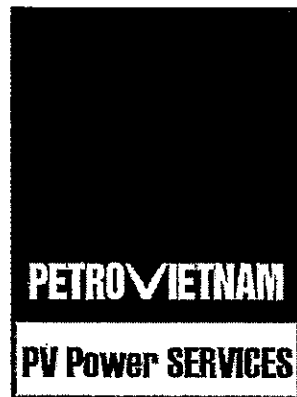


**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Hà Nội, tháng 4 năm 2022

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên Doanh nghiệp: **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM;**
- Tên tiếng Anh: PetroVietnam Power Services JSC.;
- Tên giao dịch: PV Power Services;
- Mã số doanh nghiệp: 0102560459. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp sửa đổi lần thứ 11 ngày 26/7/2021;
- Vốn Điều lệ: **150.000.000.000 VNĐ (Một trăm năm mươi tỷ đồng);**
- Vốn đầu tư của Chủ sở hữu: 150.000.000.000 VNĐ (Một trăm năm mươi tỷ đồng./.);
- Địa chỉ giao dịch: Tầng 7, Tòa nhà hỗn hợp HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội;
- Điện thoại: (84-24) 3 7878186 Fax: (84-24) 3 7878185;
- Website: www.pvps.vn;
- Mã cổ phiếu: PPS.

1.1. Thành lập

- Ngày 16/7/2007, Hội đồng thành viên Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV Power) thông qua Đề cương thành lập một số Công ty cổ phần trong đó có phương án thành lập Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam.
- Ngày 27/11/2007, Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103021005 với số vốn Điều lệ là: 150.000.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng). Tính đến thời điểm hiện nay, PV Power Services đã 11 lần thay đổi đăng ký bổ sung ngành nghề kinh doanh, thay đổi địa chỉ giao dịch, đại diện pháp luật Công ty.

1.2. Niêm yết

- Ngày 28/12/2010, PV Power Services được Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp Giấy Chứng nhận đăng ký chứng khoán số

305/2010/GCNCP-VSD chính thức chấp thuận hoạt động lưu ký chứng khoán niêm yết trên sàn giao dịch HNX với mã giao dịch PPS;

- Ngày 07/01/2011, chứng khoán PPS của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam chính thức phiên giao dịch đầu tiên trên sàn HNX với khối lượng trên 100.000 giao dịch thành công.

2. Ngành nghề kinh doanh – Địa bàn hoạt động

2.1. Ngành nghề kinh doanh

- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Lắp đặt hiệu chỉnh đưa vào vận hành, bảo trì và nâng cấp các hệ thống thông tin viễn thông, hệ thống điều khiển phân tán và các hệ thống khác trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin;
- Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác. Tư vấn chuyên ngành kỹ thuật điện cho quản lý xây dựng hệ thống điện – điện tử và tự động hóa cho các nhà máy điện, trạm biến áp và các dây chuyền công nghệ công nghiệp có cấp điện áp đến 500KV, công suất đến 4.000 MW;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: Thí nghiệm hiệu chỉnh đưa vào vận hành, thí nghiệm hiệu chỉnh định kỳ, duy tu bảo dưỡng định kỳ và xử lý sự cố bất thường các Nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp, các dây chuyền công nghệ công nghiệp có cấp điện áp đến 500KV và công suất đến 4.000 MW);
- Sửa chữa thiết bị khác: Dịch vụ kỹ thuật, bảo trì, bảo dưỡng, đại tu sửa chữa nhà máy điện bao gồm phần thiết bị nhà máy chính và các phần có liên quan;
- Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng máy khác: Kinh doanh vật tư thiết bị máy móc và hệ thống thiết bị dây chuyền đồng bộ phục vụ cho ngành điện, thông tin viễn thông và các ngành công nghiệp khác;
- Lắp đặt hệ thống điện: Lắp đặt thiết bị điện các Nhà máy điện, Trạm biến áp và các dây chuyền công nghệ công nghiệp có cấp điện áp đến 500kV;
- Giáo dục khác: Đào tạo cung cấp nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng sửa chữa và chuyên gia công nghệ các nhà máy điện và công nghiệp (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)...;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu: Đầu tư sản xuất thiết bị điện, phụ tùng vật tư cho ngành điện dầu khí và các ngành công nghiệp khác;
- Hoạt động viễn thông khác: Đại lý kinh doanh dịch vụ viễn thông;

- Sản xuất điện: Dịch vụ vận hành Nhà máy điện;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Thi công xây lắp các công trình công nghiệp;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác: Tư vấn thiết kế biên dịch, biên soạn tài liệu các giải pháp kỹ thuật nâng cao hiệu suất nhà máy điện, các giải pháp tiết kiệm năng lượng, năng lượng mới, năng lượng tái tạo và cả hệ thống thiết bị công nghiệp (không bao gồm thiết kế công trình); Cung cấp giải pháp lắp đặt tích hợp các hệ thống viễn thông và công nghệ thông tin;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Cho thuê nhà sử dụng làm văn phòng;
- Xây dựng công trình công ích: Thi công xây lắp trạm biến áp, đường dây truyền tải và hệ thống điện, hệ thống đo lường điều khiển tự động, hệ thống thông tin viễn thông và hệ thống cung cấp và xử lý nước cho công trình công nghiệp dân dụng;
- Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện theo Quy định pháp luật.

2.2. Địa bàn hoạt động

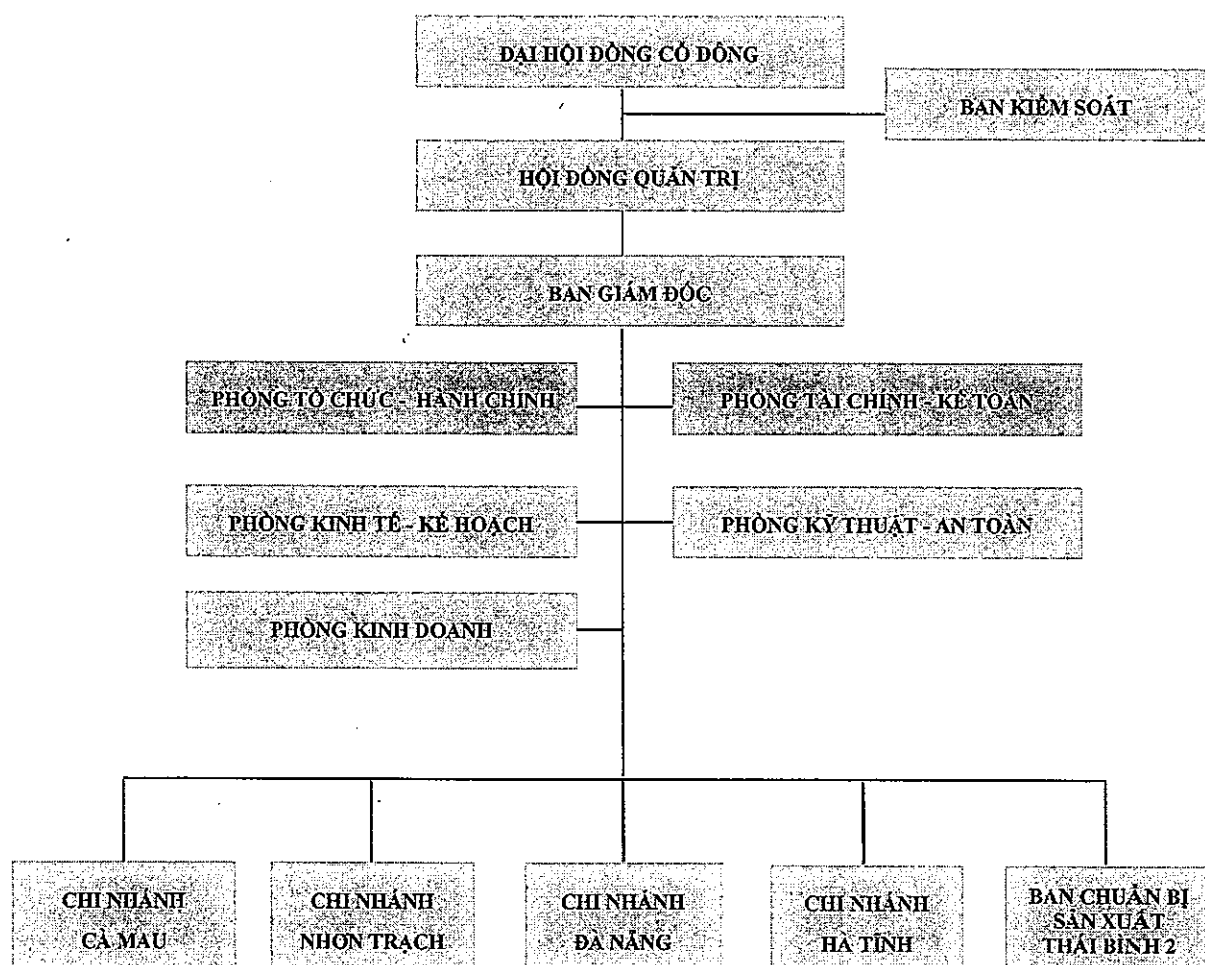
- Nhằm tiếp cận thị trường và đặt nền móng cho việc thiết lập các đơn vị sản xuất trực tiếp tại khu vực phía Nam, ngày 03/8/2009, PV Power Services tiếp tục thành lập hai Chi nhánh Nhơn Trạch và Cà Mau, bước đầu thiết lập các đơn vị sản xuất trực tiếp phục vụ công tác sửa chữa, bảo trì tại Nhà máy điện Nhơn Trạch và Nhà máy điện Cà Mau.
- Ngày 12/12/2011, PV Power Services thành lập Chi nhánh Đà Nẵng – Trung tâm thí nghiệm điện là đơn vị chuyên ngành điện lực và tự động hóa điện lực.
- Ngày 26/01/2015, Chi nhánh PV Power Services tại Hà Tĩnh được thành lập với nhiệm vụ thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và làm tiền đề tiếp cận và thiết lập bộ máy sản xuất trực tiếp tại Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2.
- Ngày 22/4/2016, Ban chuẩn bị sản xuất bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 của PV Power Services được thành lập theo Quyết định số 233/QĐ-DVKT ngày 22/4/2016 của Giám đốc Công ty.

- Ngoài ra PV Power Services còn tham gia bảo dưỡng sửa chữa một số nhà máy thủy điện nên có địa bàn hoạt động rộng rãi tại Hòa Na, Quế Phong (tỉnh Nghệ An), Đăkđrinh (tỉnh Quảng Ngãi)...; Nhà máy lọc hóa dầu Bình Sơn (tỉnh Quảng Ngãi); Nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn (tỉnh Thanh Hóa); Công ty TNHH Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh; các NMEĐ thuộc Tập đoàn TKV; Nhà máy Thủy điện Ngòi Phát (tỉnh Lào Cai); Nhà máy Thủy điện Chư Pông Krông (tỉnh Đăk Lăk)...

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1. Mô hình quản trị theo Mục a Khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp.

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:



3.2.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty thực hiện quyền và nhiệm vụ thông qua định hướng phát triển, quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, tăng (giảm) vốn Điều lệ, phân chia lợi nhuận, cổ tức; quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội

đồng quản trị (HĐQT), Ban Kiểm soát; và quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty và các quyền, nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

3.2.2. Hội đồng quản trị

HĐQT là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty do ĐHĐCĐ bầu ra gồm một (01) Chủ tịch HĐQT và bốn (04) thành viên (trong đó có 01 thành viên độc lập). HĐQT nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty do ĐHĐCĐ giao phó, thực hiện trách nhiệm giám sát hoạt động của Người điều hành Công ty thông qua việc thực hiện các Quyết định/Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Pháp luật, Điều lệ và các Quy chế phục vụ quản trị nội bộ của Công ty quy định.

3.2.3. Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát là tổ chức giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh; trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các cổ đông. Ban Kiểm soát gồm ba (03) thành viên do ĐHĐCĐ bầu ra.

3.2.4. Người điều hành Công ty

Người điều hành Công ty hiện nay bao gồm: Giám đốc, các Phó Giám đốc và Kế toán trưởng. Người điều hành Công ty do HĐQT bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước HĐQT, ĐHĐCĐ và pháp luật về tất cả các hoạt động kinh doanh của Công ty.

3.2.5. Kiểm toán nội bộ

Thực hiện yêu cầu tại Nghị định 05/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính Phủ về Kiểm toán nội bộ, Công ty đã phân công cán bộ làm nhiệm vụ Phụ trách Kiểm toán nội bộ theo đúng quy định.

3.2.6. Khối Phòng/Ban chức năng

a. Phòng Tổ chức – Hành chính

Phòng Tổ chức – Hành chính là bộ phận tham mưu, giúp việc cho Giám đốc, Hội đồng quản trị Công ty về công tác tổ chức nhân sự, đào tạo, tuyển dụng cán bộ, đổi mới doanh nghiệp; công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng; công tác lương, thưởng, chế độ chính sách;

công tác Pháp chế; Công tác Đảng – Đoàn; công tác hành chính quản trị, công tác hậu cần doanh nghiệp, văn thư văn phòng, lễ tân và lái xe.

b. Phòng Tài chính - Kế toán

Phòng Tài chính - Kế toán là bộ phận tham mưu cho Giám đốc, Hội đồng Quản trị về lĩnh vực Tài chính Kế toán trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

c. Phòng Kinh tế - Kế hoạch

Phòng Kinh tế - Kế hoạch là bộ phận tham mưu giúp việc cho Giám đốc, Hội đồng quản trị Công ty về công tác kế hoạch đầu tư, kế hoạch sản xuất kinh doanh; quản lý thực hiện hợp đồng bảo dưỡng sửa chữa dài hạn; thống kê, quản lý, kiểm tra các Hợp đồng do các Phòng/đơn vị thực hiện; kiểm soát chi phí; công tác vật tư; công tác Marketing - PR, phát triển thương hiệu; đánh giá thực hiện KPI của các Phòng/Chi nhánh; công tác đầu tư; một số công việc khác của Công ty.

d. Phòng Kỹ Thuật – An toàn

Phòng Kỹ thuật – An toàn là bộ phận tham mưu giúp việc cho Giám đốc, Hội đồng quản trị Công ty về công tác quản lý kỹ thuật; xây dựng kế hoạch và phương án triển khai BDSC, theo dõi thực hiện tại các Chi nhánh; xây dựng các tài liệu, mẫu, quy trình, quy định liên quan tới kỹ thuật và hướng dẫn triển khai, đào tạo kỹ thuật cho các chi nhánh; lập kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ cho các dự án; công tác quản lý hợp đồng bảo trì dài hạn; công tác sáng kiến cải tiến kỹ thuật; công tác đào tạo chuyên sâu và đào tạo nội bộ; công tác nghiên cứu khoa học; công tác xét duyệt chuyên gia Công ty và công tác ISO của Công ty; Quản lý công tác an toàn vệ sinh lao động, bảo hộ lao động, PCCC, PCLB&TKCN và bảo vệ môi trường (xây dựng chính sách, quy trình, quy định, hướng dẫn, giám sát, theo dõi thực hiện và báo cáo). Công tác IT (quản lý và vận hành hệ thống CNTT và viễn thông của toàn Công ty, bao gồm các hệ thống máy chủ, máy tính, máy in, đường truyền mạng WAN, mạng LAN, mạng wifi, hệ thống phần mềm văn bản, email nội bộ, website, Fanpage, hệ thống tổng đài điện thoại cố định, di động, hệ thống chấm công bằng vân tay,...).

e. Phòng Kinh doanh

Phòng Kinh doanh là bộ phận tham mưu giúp việc cho Giám đốc, Hội đồng quản trị Công ty về công tác tổ chức thực hiện việc phát triển, mở rộng thị trường cung cấp dịch vụ kỹ thuật thương mại cho các khách hàng mới; thiết

lập hệ thống khách hàng, hệ thống nhà phân phối; tìm kiếm, xây dựng thị trường khách hàng ngoài Tổng công ty cho Công ty; bán và quản lý thực hiện hợp đồng phát triển dịch vụ.

3.2.7. Khối sản xuất trực tiếp

a. Chi nhánh Nhơn Trạch, Chi nhánh Cà Mau, Chi nhánh Hà Tĩnh

+ Chức năng:

Thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được Công ty phê duyệt, các nhiệm vụ về sửa chữa, bảo dưỡng và phát triển các dịch vụ liên quan.

+ Nhiệm vụ:

- Đảm bảo tuân thủ đúng Điều lệ của Công ty, thay mặt Công ty giải quyết các vấn đề phát sinh có liên quan;
- Tổ chức thực hiện việc quản lý, điều hành các hoạt động của Công ty tại khu vực Chi nhánh theo kế hoạch được giao và sự chỉ đạo của Giám đốc Công ty;
- Thay mặt Công ty làm việc với các đơn vị mà Công ty tham gia cung cấp dịch vụ; Chính quyền địa phương và các đơn vị khác về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Chi nhánh theo phạm vi được ủy quyền, thường xuyên tiếp xúc, đặt mối quan hệ với các đơn vị khác để giới thiệu các dịch vụ của Công ty cung cấp;
- Nghiên cứu, khảo sát, phân tích và đánh giá thị trường tại khu vực Chi nhánh và các vùng lân cận đồng thời tham gia xây dựng chính sách, kế hoạch phát triển thị trường và đề xuất những phương án điều chỉnh kịp thời phù hợp với điều kiện và tình hình cụ thể của từng thị trường;
- Tổ chức thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa các nhà máy điện, theo dõi, phối hợp nhằm đảm bảo hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa tại các Cơ quan đơn vị mà Công ty cung cấp dịch vụ tại khu vực Chi nhánh và khu vực khác, tuyệt đối an toàn và hiệu quả, theo dõi phối hợp bảo đảm hoàn tất mọi thủ tục liên quan đến việc bảo dưỡng, sửa chữa của Công ty (thủ tục hành chính, thủ tục giấy tờ có liên quan...);
- Quản lý, điều hành các hoạt động vốn, tài sản, ngân sách phát sinh tại Chi nhánh trong phạm vi được Công ty ủy quyền trên cơ sở tuân thủ theo Quy chế quản lý tài chính, Điều lệ của Công ty; tổ chức quản lý, sử dụng cơ sở vật chất trang thiết bị kỹ thuật có hiệu quả;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Công ty giao.

b. Chi nhánh Đà Nẵng

+ Chức năng:

Thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được Công ty phê duyệt, các nhiệm vụ về thí nghiệm điện, thi công lắp đặt các thiết bị điện, sửa chữa, bảo dưỡng và phát triển các dịch vụ kỹ thuật liên quan của các Nhà máy điện, công trình công nghiệp.

+ Nhiệm vụ:

- Đảm bảo tuân thủ đúng Điều lệ Công ty, thay mặt Công ty giải quyết các vấn đề phát sinh có liên quan;
- Tổ chức thực hiện việc quản lý, điều hành các hoạt động của Công ty theo kế hoạch được giao và sự chỉ đạo của Giám đốc Công ty;
- Thay mặt Công ty làm việc với các đơn vị mà Công ty tham gia cung cấp dịch vụ; Chính quyền địa phương và các đơn vị khác về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Chi nhánh theo phạm vi được ủy quyền, thường xuyên tiếp xúc, đặt mối quan hệ với các đơn vị khác để giới thiệu các dịch vụ của Công ty cung cấp;
- Nghiên cứu, khảo sát, phân tích và đánh giá thị trường đồng thời tham gia xây dựng chính sách, kế hoạch phát triển thị trường và đề xuất những phương án điều chỉnh kịp thời phù hợp với điều kiện và tình hình cụ thể của từng thị trường;
- Tổ chức thực hiện công tác thí nghiệm, hiệu chỉnh, bảo dưỡng, sửa chữa các nhà máy điện, theo dõi, phối hợp nhằm đảm bảo hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa tại các Cơ quan đơn vị mà Công ty cung cấp dịch vụ tuyệt đối an toàn và hiệu quả, theo dõi phối hợp bảo đảm hoàn tất mọi thủ tục liên quan đến công tác thí nghiệm hiệu chỉnh, bảo dưỡng, sửa chữa của Công ty (thủ tục hành chính, thủ tục giấy tờ có liên quan...);
- Quản lý, điều hành các hoạt động vốn, tài sản, ngân sách phát sinh tại Chi nhánh trong phạm vi được ủy quyền của Công ty trên cơ sở tuân thủ theo Quy chế quản lý tài chính, Điều lệ của Công ty; tổ chức quản lý, sử dụng cơ sở vật chất trang thiết bị kỹ thuật có hiệu quả;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Công ty giao.

c. Ban chuẩn bị sản xuất, bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy điện Thái Bình 2:

+ Chức năng:

- Ban CBSX BDSC Thái Bình 2 có chức năng thay mặt Công ty trực tiếp quản lý và tổ chức triển khai công tác chuẩn bị sản xuất bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, của Công ty về phân cấp và ủy quyền;
- Tiếp nhận, quản lý và sử dụng kinh phí hoạt động do Công ty cấp theo đúng kế hoạch được duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả trên nguyên tắc tuân thủ pháp luật và các quy định hiện hành của Công ty.

+ Nhiệm vụ:

- Thực hiện các công việc liên quan đến công tác chuẩn bị sản xuất bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 phù hợp với các quy định hiện hành cho đến khi Chi nhánh Thái Bình thuộc Công ty được thành lập;
- Giám sát việc triển khai dự án, tiến độ dự án từ Ban quản lý dự án và nhà thầu; Kịp thời báo cáo Công ty và đề xuất phương án xử lý trong trường hợp có thay đổi, phát sinh, vướng mắc cũng như các thay đổi khác liên quan đến quá trình triển khai thực hiện dự án;
- Tập hợp hồ sơ Thiết kế kỹ thuật/Thiết kế tổng thể đã được các cấp có thẩm quyền tổ chức thẩm định, phê duyệt;
- Nghiên cứu, phân loại các tài liệu kỹ thuật theo các lĩnh vực và chuyên ngành: Cơ - nhiệt; Điện; C&I;
- Lập danh mục thiết bị theo sơ đồ công nghệ PID và các tài liệu kỹ thuật liên quan theo các lĩnh vực Cơ - nhiệt, Điện, C&I;
- Xây dựng các quy trình an toàn chung; quy trình bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị Cơ - nhiệt; Điện; C&I.
- Lập lý lịch thiết bị;
- Xây dựng danh mục vật tư dự phòng 2 năm đầu: bao gồm danh mục, số lượng, đặc tính kỹ thuật, các tài liệu kỹ thuật liên quan;
- Xây dựng dự toán sửa chữa, bảo dưỡng: cho các công việc sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên, định kỳ (Tiểu tu, Trung tu và Đại tu) (trên cơ sở tài liệu O&M, định mức, dự toán VAI và các tài liệu tham khảo khác) cho các thiết bị Cơ - nhiệt, Điện, C&I;
 - > Phạm vi công việc, biện pháp thi công sửa chữa, bảo dưỡng.

- Nhân công thực hiện các công việc sửa chữa, bảo dưỡng.
- Vật tư tiêu hao thực hiện công việc sửa chữa, bảo dưỡng.
- CCDC để thực hiện công việc sửa chữa, bảo dưỡng.
- Xây dựng dự toán cho công tác sửa chữa bất thường, bảo vệ chống ăn mòn: phạm vi công việc, biện pháp thi công, nhân công, vật tư tiêu hao, máy thi công và CCDC, chu kỳ và thời gian thực hiện;
- Lập kế hoạch nhân lực và đào tạo nhân lực bảo dưỡng sửa chữa trình Công ty phê duyệt và tổ chức thực hiện;
- Chuẩn bị các thủ tục để thành lập Chi nhánh Công ty tại Thái Bình;
- Tham gia theo dõi, học tập việc vận hành, hiệu chỉnh và sửa chữa thiết bị trong công tác lắp đặt, quá trình chạy thử, nghiệm thu từng hạng mục công việc, nghiệm thu toàn bộ trước khi được Chủ đầu tư cho phép đi vào hoạt động;
- Tham gia các khóa đào tạo chuyển giao công nghệ tại công trường;
- Báo cáo kết quả thực hiện công việc hàng quý, hàng tháng cũng như báo cáo công việc đột xuất theo yêu cầu của Công ty về tình hình thực hiện công tác chuẩn bị sản xuất bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Công ty giao.

4. Định hướng phát triển

4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Phát triển PV Power Services trở thành một công ty chuyên nghiệp về cung cấp dịch vụ kỹ thuật sửa chữa bảo dưỡng các nhà máy điện, công trình công nghiệp, với mục tiêu:

- Cao về chất lượng sản phẩm dịch vụ.
- Sâu về chuyên môn nghiệp vụ.
- Rộng về địa bàn, thị trường hoạt động (truyền thống và mở rộng thị trường).
- Mạnh về sức cạnh tranh (năng lực và tài chính).
- Hiệu quả trong sản xuất.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Giai đoạn 2021-2025

- Tiếp tục là Nhà thầu chính cung cấp dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên và định kỳ cho các nhà máy điện của PVN/PV Power, bao gồm cung cấp vật tư thiết bị và duy trì hợp đồng bảo dưỡng sửa chữa cho các nhà máy thủy điện và các nhà máy điện khác ngoài ngành.
 - Phát triển dịch vụ BDSC với các đơn vị ngoài PVN/PV Power, như các nhà máy Lọc hóa dầu, luyện kim, khai khoáng, Formosa, các nhà máy nhiệt điện của EVN, TKV...
 - Trực tiếp thực hiện công tác BDSC lớn cho các NME của PV Power/PVN; tiến tới xây dựng phương án phát triển dịch vụ kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa thuê cho các NME ngoài Tập đoàn; Thực hiện dịch vụ hỗ trợ, đánh giá quá trình chuẩn bị tiếp nhận vận hành (Operation Readiness Review); dịch vụ nghiệm thu chạy thử (commissioning); dịch vụ thí nghiệm hiệu chỉnh, tối ưu tổ máy, lò hơi; dịch vụ theo dõi, tối ưu hiệu năng vận hành các nhà máy.
 - Hợp tác với các nhà sản xuất gốc cung cấp trọn gói dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa và các giải pháp nhằm nâng cao hiệu suất phát điện cho các nhà máy của PV Power.
 - Nghiên cứu đầu tư xưởng sửa chữa gia công phục hồi các thiết bị phục vụ NME, trước mắt phục vụ NME Vũng Áng 1; tiến tới mở rộng phạm vi của xưởng sửa chữa, gia công phục hồi, kiểm định các thiết bị điện cho các đơn vị ngoài PVN/PV Power; Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo các thiết bị phụ tùng thay thế tại các NME như Tuabin hơi, bơm, quạt, van, vòi, máy nén, ống áp lực lò hơi,...
 - Cung cấp dịch vụ vận hành và bảo dưỡng sửa chữa cho những hệ thống độc lập trong các nhà máy điện.
 - Mở rộng thêm các lĩnh vực cung cấp dịch vụ, kể cả những lĩnh vực để phục vụ công việc nội tại của PVPS như cung cấp giàn giáo..., phát triển thêm mảng dịch vụ trong ngành dân dụng như bảo dưỡng sửa chữa các hệ thống M&E tòa nhà...
 - Nâng cấp, tái điều chỉnh nhân lực kỹ thuật của Công ty, đặc biệt là nhân lực kỹ thuật cao. Phát triển nhóm tư vấn hỗ trợ kỹ thuật cho khách hàng tại Phòng dịch vụ của Công ty/các chi nhánh.
- Định hướng chiến lược đến 2035

- Xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao để trở thành Nhà cung cấp dịch vụ kỹ thuật chính (vật tư, nhân công, chuyên gia) cho tất cả các Nhà máy điện thuộc Tập đoàn/Tổng công ty.
- Thực hiện cung cấp chuỗi dịch vụ kỹ thuật khép kín từ khâu sản xuất phụ tùng thay thế, hiệu chỉnh thiết bị, kiểm định đo lường thiết bị.
- Cung cấp dịch vụ kỹ thuật trọn gói vận hành và bảo dưỡng sửa chữa các nhà máy điện than, điện khí trong nước và khu vực Asean.

4.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

- Mục tiêu của Công ty là phát triển bền vững, vì vậy Công ty luôn chú trọng và tích cực tham gia những hoạt động nhằm hướng đến mục tiêu trách nhiệm xã hội của Doanh nghiệp.
- Công ty luôn gắn bó và thường xuyên thực hiện các hoạt động an sinh và từ thiện xã hội như:
 - Hỗ trợ nhà ở cho người lao động theo chương trình Mái ấm công đoàn Dầu khí;
 - Tham gia các chương trình hiến máu nhân đạo;
 - Quyên góp giúp đỡ đồng bào bị thiên tai, tham gia ủng hộ các quỹ tương trợ hoàn cảnh khó khăn;
 - Tham gia ủng hộ chương trình nhắn tin “Tết vì người nghèo và nạn nhân chất độc da cam” của Hội chữ thập đỏ Việt Nam tổ chức.
 - Thực hiện việc quyên góp ủng hộ phòng chống covid.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh: (Biểu 1)

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Đạt (%)
I	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	273,23	239,53	88%
II	Tổng chi phí	Tỷ đồng	253,42	218,50	86%
III	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	19,80	21,02	106%
IV	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	15,84	16,83	106%

Theo Biểu số liệu trên cho thấy:

- Doanh thu: tổng doanh thu thực hiện năm 2021 đạt 88% kế hoạch, giảm (-33,7) tỷ đồng, trong đó: (i) Hợp đồng Cà Mau 1&2 giảm (-28,13) tỷ đồng do đại tu NMD Cà Mau 1 lùi thời gian thực hiện sang năm 2022; (ii) Hợp đồng Nhơn Trạch 1 giảm (-4,61) tỷ đồng do giá trị sửa chữa thường xuyên của NMD Nhơn Trạch 1 ghi nhận giá trị phát sinh giảm do sản lượng thực tế phát lên lưới của nhà máy trong quý dưới mức sản lượng tối thiểu trung bình theo quy định của Hợp đồng; (iii) Hợp đồng Vũng Áng 1 giảm (-4,77) tỷ đồng giá trị sửa chữa thường xuyên do tổ máy 2 phải dừng vận hành để thực hiện công tác sửa chữa định kỳ và tổ máy 1 phải dừng để xử lý sự cố từ 30 ngày trở lên theo quy định của Hợp đồng; (iv) tăng 0,94 tỷ đồng giá trị tiêu tu NMD Nhơn Trạch 2 do cập nhật theo công thực tế thực hiện; (v) tăng 5,06 tỷ đồng do ghi nhận giá trị cung cấp nhân công tiếp cận/hỗ trợ cho dự án NMD Sông Hậu 1; (vi) giảm (-3,79) tỷ đồng do tiến độ thực hiện các công trình phát triển dịch vụ ngoài và các phát sinh của Hợp đồng số 43/PVP.TM.VA-PVPS/2019/DV NMD Vũng Áng 1 thay đổi/điều chỉnh so với thời điểm lập kế hoạch; Và (vii) tăng 1,92 tỷ đồng doanh thu tài chính do khoản thu được từ lãi suất tiền gửi thực tế tăng so với dự kiến (từ giá trị thu hồi công nợ của Hợp đồng Nhơn Trạch 2).
- Chi phí: tổng chi phí thực hiện năm 2021 đạt 86% kế hoạch.
=> Kết quả Lợi nhuận trước thuế đạt 21,02/19,80 tỷ đồng, đạt 106% kế hoạch. Các khoản doanh thu sụt giảm sâu nêu trên ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng có thể nâng cao hơn nữa hiệu quả SXKD của toàn Công ty, đồng thời phát sinh nhiều chi phí do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid. Tuy nhiên Công ty đã tăng cường công tác tiết kiệm, tiết giảm tối đa các khoản mục chi phí quản lý; chưa thực hiện đầu tư/mua sắm một số tài sản/trang thiết bị chưa thực sự cần thiết, mặt khác vẫn duy trì ổn định chế độ, tiền lương, thu nhập cho người lao động và đảm bảo lợi nhuận thực hiện cả năm 2021 vượt kế hoạch đề ra.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách nhân sự Ban điều hành PV Power Services đến 31/12/2021

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Vũ Anh Tuấn	Giám đốc Công ty
2	Ông Phùng Văn Đức	Phó Giám đốc Công ty
3	Ông Vũ Quang Dũng	Phó Giám đốc Công ty
4	Ông Lê Đình Thái	Kế toán trưởng Công ty

2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành

TT	Chức danh	Mới	Thời điểm
1	Ông Phan Xuân Thắng	Tiếp nhận và bổ nhiệm Phó Giám đốc Công ty	15/4/2021

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

- Tính đến thời điểm 31/12/2021, tổng số cán bộ công nhân viên là 483 người. Trong tổng số 483 CBCNV có:
 - + Tiến sỹ: 0 người
 - + Thạc sỹ: 21 người
 - + Đại học: 239 người
 - + Cao đẳng: 49 người
 - + Trung cấp: 93 người
 - + Công nhân kỹ thuật, lái xe: 81 người
 - + Lao động phổ thông: 0 người
 - + Cán bộ nữ: 55 người
 - + Tuổi trung bình cán bộ: 37
- Công ty thực hiện trên nguyên tắc phân phối tiền lương, thu nhập theo năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Nhà nước, đồng thời khuyến khích CBCNV và người lao động phát huy tính chủ động, sáng tạo hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.
- Đảm bảo 100% CBCNV được ký Hợp đồng lao động theo quy định.
- Công tác thực hiện tham gia đóng BHXH, BHYT, BHTN đảm bảo tuân thủ theo quy định của Nhà nước. Ngoài ra Công ty đã ký với PVI Hợp đồng “Bảo hiểm con người với trách nhiệm cao” cho toàn bộ CBCNV, giải quyết tốt chế độ chính sách cho người lao động; chăm lo đời sống cho CBCNV nhân dịp các ngày lễ lớn.

- Công ty đã thực hiện đúng quy chế trả lương, thưởng cho người lao động, đảm bảo quyền lợi cho người lao động trên cơ sở đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh, bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Các khoản đầu tư lớn: Không có.

3.2. Các Công ty con, Công ty liên kết:

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC);
- Địa chỉ: Tầng 17, tòa nhà INCON 4, số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội;
- Giấy đăng ký KD số: 0103035042;
- Vốn Điều lệ: 42.352.900.000 đồng.
- Tỷ lệ PV Power Services nắm giữ cổ phần tại PV Tech (PAIC): 11,90% Vốn Điều lệ
- Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2020	Thực hiện 2021	% so với năm trước
Tổng giá trị tài sản	Đồng	91,072,070,153	92,660,657,513	102%
Doanh thu thuần	Đồng	92,985,341,375	118,524,498,178	127%
Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	Đồng	3,230,055,613	5,088,184,562	158%
Lợi nhuận trước thuế	Đồng	4,136,550,598	4,898,174,721	118%
Lợi nhuận sau thuế	Đồng	3,389,929,673	3,689,442,629	109%

(Nguồn dữ liệu: Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính 2021 của PAIC)

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

(Biểu 2) Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	481,792,909,522	430,660,216,448	89%
Doanh thu thuần	262,489,274,679	237,300,824,381	90%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	23,136,574,308	21,006,658,107	91%
Lợi nhuận khác	1,666,026,536	18,203,205	1%
Lợi nhuận trước thuế	24,802,600,844	21,024,861,312	85%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	11%	9%	

Ghi chú: Tỷ lệ trả cổ tức 2021 chỉ mang tính chất dự báo, tỷ lệ chi trả chính thức được Đại Hội đồng cổ đông thông qua tại phiên họp thường niên 2022.

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

(Biểu 3)

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020	Năm 2021
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	1.49	1.59
+ Hệ số thanh toán nhanh			
Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn	Lần	1.44	1.55
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0.6	0.56
+ Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu	Lần	1.52	1.30
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Vòng	12.29	15.69
+ Vòng quay tổng tài Sản/Total asset turnover:			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Vòng	0.55	0.52
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	7.52%	7.09%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	%	10.31%	8.97%

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020	Năm 2021
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	4.10%	3.91%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	8.81%	8.85%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán số 2760/VSD-ĐK.NV chốt ngày 26/3/2021 do Trung tâm lưu ký chứng khoán ban hành ngày 26/03/2021.

a. Cổ phần

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 15.000.000 Cổ phần;
Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 2.702.900 Cổ phần;
Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 12.297.100 Cổ phần.

b. Cơ cấu cổ đông

Cổ đông lớn: 2 cổ đông, nắm giữ 10.350.000 cổ phần tương đương 69% tổng số cổ phần:

- Cổ đông là tổ chức trong nước: 1 cổ đông, nắm giữ 7.650.000 cổ phần, tương đương 51% tổng số cổ phần;
- Cổ đông là tổ chức nước ngoài: 1 cổ đông, nắm giữ 2.700.000 cổ phần, tương đương 18% tổng số cổ phần.

Các cổ đông khác nắm giữ: 4.650.000 cổ phần, tương đương 31% tổng số cổ phần.

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không có.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có.

e. Các chứng khoán khác: không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Tính đến thời điểm ngày 31/12/2021, tổng số lao động trong toàn Công ty là 483 người.
- Tiền lương bình quân năm 2021 là 18,62 triệu đồng/người/tháng.

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

- Thực hiện chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn cho NLĐ:
 - + Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, thực hiện các chế độ phụ cấp độc hại, bồi dưỡng bằng hiện vật; phụ cấp ăn ca; theo quy định của Nhà nước.
 - + Tổ chức các khóa huấn luyện ATVSLĐ cho CBCNV theo nghị định 44/2016/NĐ-CP; Tổ chức huấn luyện, kiểm tra sát hạch an toàn điện định kỳ hàng năm cho CBCNV Phòng Kỹ thuật An toàn và các Chi nhánh trực thuộc Công ty.
 - + Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV.
 - + Tổ chức thực hiện khám phát hiện bệnh nghề nghiệp theo kế hoạch.
 - + Mua Bảo hiểm con người kết hợp mức trách nhiệm cao để khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho người lao động trong toàn Công ty.
 - + Tổ chức thăm quan, nghỉ mát cho CBCNV nhằm tái tạo sức lao động và sự đoàn kết trong tập thể người lao động.
- Chế độ phúc lợi, chăm lo đời sống CBCNV và các phong trào đoàn thể:
 - + Công ty luôn quan tâm và phối hợp với Công đoàn thực hiện tốt công tác chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho Người lao động, thực hiện đảm bảo chế độ chính sách, khen thưởng, phúc lợi cho toàn thể CBCNV Công ty.
 - + Chi quỹ phúc lợi cho CBCNV vào các dịp lễ Tết trong năm 2021; Hỗ trợ kinh phí cho các Công đoàn Bộ phận trực thuộc tổ chức chương trình Tết sum vầy nhân dịp Tết Nguyên Đán Tân Sửu năm 2021.
 - + Đảm bảo các chế độ ưu tiên khác cho lao động nữ như: trợ cấp các chế độ liên quan đến thai sản và nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi theo quy định của Nhà nước; chi tiền hỗ trợ chăm sóc sắc đẹp hàng tháng cho nữ CBCNV; Tổ chức chương trình và tặng quà cho nữ CBCNV Công ty vào các dịp kỷ niệm ngày Quốc tế Phụ nữ 08/3, ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10.
 - + Tặng quà cho thiếu nhi là con CBCNV Công ty nhân dịp Tết thiếu nhi 01/6. Tặng quà cho 672 cháu thiếu nhi là con CBCNV Công ty nhân dịp Tết trung thu, kết hợp phát tặng quà khen thưởng cho 227 cháu có thành tích cao trong học tập.

- + Tổ chức thăm hỏi và tặng quà cho người thân 122 CBCNV đã có công với cách mạng nhân kỷ niệm ngày thương binh liệt sỹ 27/7.
- + Chi hỗ trợ cho đoàn viên, người lao động bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh, năm 2021; Hỗ trợ dụng cụ thể dục thể thao và trang bị bếp ăn cho người lao động tại các Chi nhánh thực hiện 3 tại chỗ để đảm bảo công tác phòng chống dịch Covid-19.
- + Chương trình Mái ấm Công đoàn Dầu khí năm 2021: Công đoàn Công ty hoàn thiện hồ sơ trình lên Công đoàn Dầu khí Việt Nam xem xét hỗ trợ cho 02 cán bộ Chi nhánh Hà Tĩnh được hưởng chương trình Mái ấm công đoàn Dầu khí với số tiền hỗ trợ là 160 triệu đồng (80 triệu đồng/trường hợp).
- + Đoàn thanh niên Công ty đã gửi lời kêu gọi tới toàn thể CBCNV Công ty đóng góp ủng hộ trẻ em tại TP. Hồ Chí Minh bị mồ côi do dịch Covid-19 với số tiền ủng hộ là 51,42 triệu đồng.

c. Hoạt động đào tạo người lao động

Với mục đích xây dựng đội ngũ CBCNV Công ty thành thạo về nghiệp vụ, bắt kịp được sự phát triển về khoa học kỹ thuật của khu vực, góp phần thực hiện tốt chiến lược sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong năm 2021, Công ty đào tạo cho 83 lượt người/112 lượt người (đạt 74.11% Kế hoạch).

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh ✓

(Biểu 4) Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Đạt (%)
I	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	273,23	239,53	88%
II	Tổng chi phí	Tỷ đồng	253,42	218,50	86%
III	Lợi nhuận trước thuế tính toán	Tỷ đồng	19,80	21,02	106%
IV	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	15,84	16,83	106%

Như đã báo cáo và phân tích tại Biểu 1, Biểu 2, Biểu 3 và Biểu 4, Ban Giám đốc đánh giá Công ty đã hoàn thành vượt mức chỉ tiêu lợi nhuận được ĐHCĐ thông qua, duy trì được sự ổn định trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo được lợi ích của cổ đông, trong đó những yếu tố quan trọng tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty được xác định như sau:

- Hoàn thành các công tác BDSC thường xuyên, đột xuất và xử lý các sự cố, tồn tại, bất thường thiết bị/hệ thống các NMD Cà Mau 1&2, Nhơn Trạch 1, Nhơn Trạch 2 và Vũng Áng 1.
- Thực hiện công tác bảo dưỡng SCDK đạt/vượt tiến độ thống nhất với Chủ đầu tư.
- Trong năm 2021, PV Power Services đã nỗ lực và hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra, lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch được giao, đạt 106% kế hoạch.
- Công tác phát triển dịch vụ tiếp tục được đẩy mạnh.
- Cử nhân sự đi NMD Sông Hậu 1 và Thái Bình 2 phục vụ công tác nghiệm thu chạy thử, tiếp cận các thiết bị/công nghệ nhà máy nhằm chuẩn bị cho công tác BDSC khi có NMD đi vào hoạt động thương mại.

2. Kế hoạch năm 2022

- Thực hiện bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên, đột xuất/khắc phục bất thường/sự cố của các NMD Cà Mau 1&2, Nhơn Trạch 1, Nhơn Trạch 2, NMD Vũng Áng 1 và NMD Formosa Hà Tĩnh (từ 01/01-30/6/2022).
- Thực hiện công tác sửa chữa định kỳ cho các nhà máy điện theo kế hoạch, cụ thể như sau:
 - + Trung tu GT11, BOP; Tiểu tu lò GT11, máy phát GT11, Trung tu ST18 NMD Nhơn Trạch 1.
 - + Tiểu tu NMD Nhơn Trạch 2.
 - + Đại tu NMD Cà Mau 1, ngừng khí NMD Cà Mau 1.
 - + Tiểu tu Nhà máy thủy điện Hòa Na.
 - + Đại tu Nhà máy thủy điện Đakrinh.
- Tăng cường công tác tìm kiếm, ký kết và thực hiện Hợp đồng cung cấp dịch vụ kỹ thuật ngoài các Hợp đồng đã ký.
- Nâng cao công tác quản lý, quản trị điều hành hoạt động của Công ty. Kiểm soát tốt và tiết giảm tối đa các khoản chi; Quản lý và sử dụng vốn có hiệu quả; Thực hiện công tác đầu tư/mua sắm đáp ứng kịp thời phục vụ công tác BDSC các Nhà máy điện.

- Thực hiện các giải pháp về lao động, đào tạo, nhân sự, tài chính nâng cao hiệu quả của hoạt động SXKD.
- Đảm bảo chăm lo đời sống cho người lao động, tăng cường hoạt động các phong trào đoàn thể trong toàn Công ty.
- Thực hiện công tác chuẩn bị sản xuất, sẵn sàng tham gia thực hiện công tác BDSC NMĐ Thái Bình 2.
- Thực hiện công tác BDSC thường xuyên NMĐ Sông Hậu 1 nếu trúng thầu.
- Chuẩn bị cho công tác sửa chữa định kỳ năm 2023 theo kế hoạch.
- Thực hiện các nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao.
- Một số chỉ tiêu kế hoạch dự kiến năm 2022:
- + Tổng doanh thu: 272,19 tỷ đồng.
- + Tổng chi phí: 251,99 tỷ đồng.
- + Lợi nhuận trước thuế: 20,2 tỷ đồng.
- + Lợi nhuận sau thuế: 16,16 tỷ đồng. ✓

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá chung

- Hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 thông qua;
- Các tiêu chí bảo toàn vốn, hiệu suất sử dụng vốn đều phản ánh sự ổn định, an toàn trong việc sử dụng vốn.

2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

2.1. Về thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh

- Hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2021, bám sát kế hoạch đã đề ra, cụ thể:
 - Doanh thu đạt: 88% kế hoạch.
 - Lợi nhuận đạt: 106 % kế hoạch.
- Báo cáo đầy đủ kết quả thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng Quản trị giao.

2.2. Về công tác quản lý điều hành

- Tiếp tục rà soát hệ thống văn bản pháp lý trong công tác quản lý để hiệu chỉnh, cập nhật thông tin quản lý phù hợp với thực tế hoạt động của Công ty qua từng thời kỳ;

- Thực hiện tiêu chuẩn hóa cán bộ, sắp xếp nhân lực theo đúng chức danh, công việc, đánh giá hiệu quả công việc để áp dụng mức lương tương ứng. Phân công, phân cấp quản lý trong ban lãnh đạo theo từng lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Thực hiện kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ các hoạt động chi tiêu, quản lý sản xuất tại các Chi nhánh. Tuân thủ Điều lệ và các quy định hiện hành của pháp luật.

3. Các kế hoạch và định hướng của Hội đồng Quản trị

- Chỉ đạo, giám sát thường xuyên công tác triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021. Đồng thời hỗ trợ và phối hợp cùng Ban Giám đốc Công ty tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc để xử lý và quyết định những vấn đề phục vụ cho sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất;
- Hội đồng Quản trị tiếp tục chỉ đạo triển khai thực hiện tái cơ cấu tổ chức công ty phù hợp với tình hình thực tế và với chủ trương của Nhà nước và Tập đoàn Dầu khí;
- Tiếp tục duy trì và đẩy mạnh mọi mặt hoạt động khác của Hội đồng Quản trị theo đúng quyền hạn và trách nhiệm, kịp thời khắc phục khó khăn để cùng với Ban Giám đốc phấn đấu đưa Công ty ngày càng phát triển xứng đáng với mong muốn của cổ đông;
- Tối đa hoá lợi ích cho Cổ đông, kết hợp với việc đảm bảo thu nhập và chăm sóc quyền lợi chính đáng cho người lao động;
- Tìm kiếm thị trường mới kết hợp với việc nâng cao chất lượng dịch vụ đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng Quản trị

a. Thành viên, cơ cấu Hội đồng Quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ trong HĐQT	Tỷ lệ nắm giữ CP có quyền biểu quyết	Chức danh tại Công ty khác
1	Ông Bùi Duy Nhị	Chủ tịch HĐQT	15%	Không
2	Ông Vũ Anh Tuấn	Thành viên HĐQT/ Giám đốc Công ty	12%	Không

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ trong HĐQT	Tỷ lệ nắm giữ CP có quyền biểu quyết	Chức danh tại Công ty khác
3	Ông Mã Ngọc Kỳ	Thành viên HĐQT	12%	Phó Giám đốc Chi nhánh Tổng Công ty – Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật
4	Ông Phạm Đức Nghĩa	Thành viên HĐQT	12%	Phó Giám đốc Chi nhánh Tổng Công ty – Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật
5	Ông Vũ Huy Quang	Thành viên độc lập HĐQT	0%	Không

b. *Các tiểu ban Hội đồng Quản trị:* Hội đồng Quản trị hiện nay không có tiểu ban.

c. *Hoạt động của Hội đồng Quản trị*

- HĐQT đã đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động của Giám đốc và các bộ phận quản lý khác nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ đúng Pháp luật, triển khai thực hiện theo đúng các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT.
- Định kỳ hàng tháng, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và thành viên Hội đồng Quản trị đã tham dự các cuộc họp giao ban với Ban Giám đốc, Trưởng các phòng chức năng của Công ty để nghe báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tiến độ triển khai các dự án, đồng thời có những ý kiến chỉ đạo trực tiếp tại cuộc họp.
- Trong những trường hợp phát sinh các vấn đề trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc thẩm quyền Hội đồng Quản trị, trên cơ sở các tờ trình của Giám đốc Công ty, Chủ tịch Hội đồng Quản trị chỉ đạo lấy ý kiến các thành viên để ban hành các Nghị quyết Hội đồng Quản trị kịp thời.
- Trong năm 2021 Hội đồng Quản trị đã thực hiện việc giám sát các hoạt động:
 - Đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 và xác định mục tiêu cụ thể cho từng tháng/Quý cho năm 2021.
 - Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 vào ngày 23/4/2021.

- Xem xét phương hướng triển khai sản xuất kinh doanh của Công ty từng Quý, kịp thời đánh giá mức độ hoàn thành kế hoạch đồng thời đưa ra định hướng, giải pháp để thực hiện mục tiêu kế hoạch cả năm 2021.
 - Chỉ đạo Giám đốc và các bộ phận tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp như: Giải pháp Kỹ thuật nhằm ổn định công tác bảo dưỡng sửa chữa các nhà máy điện kết hợp với Quản lý các chi phí, Quản lý vật tư, nguồn nhân lực... nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
 - Giao Giám đốc tổ chức thực hiện và phối hợp tốt với các đoàn thể như Công đoàn và Đoàn thanh niên tổ chức các hoạt động phong trào nâng cao tinh thần đoàn kết, trách nhiệm, chia sẻ khó khăn cùng nhau phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ.
 - Hội đồng Quản trị đã đưa ra định hướng, các giải pháp phù hợp và kịp thời để chỉ đạo thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời đảm bảo tính minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông và các nhà đầu tư cũng như các cơ quan quản lý có thể thực hiện tốt được chức năng giám sát, kiểm tra, kiểm soát.
- Trong năm 2021, Hội đồng Quản trị đã tổ chức họp định kỳ theo Quý, cụ thể như sau:
- Hợp HĐQT quý I/2021 ngày 08/4/2021: Nội dung cuộc họp đã được công bố thông tin chi tiết tại Nghị quyết số 64/NQ/DVKT-HĐQT ngày 08/4/2021.
 - Hợp HĐQT Quý II/2021 ngày 14/7/2021: Nội dung cuộc họp đã được công bố thông tin chi tiết tại Nghị quyết số 112/NQ/DVKT-HĐQT ngày 14/7/2021.
 - Hợp HĐQT Quý III/2021 ngày 26/10/2021: Nội dung cuộc họp đã được công bố thông tin chi tiết tại Nghị quyết số 160/NQ/DVKT-HĐQT ngày 26/10/2021.
 - Hợp HĐQT Quý IV/2021 ngày 24/01/2022: Nội dung cuộc họp đã được công bố thông tin chi tiết tại Nghị quyết số 04/NQ/DVKT-HĐQT ngày 24/01/2021.

(Chi tiết tại các Nghị quyết đính kèm).

d. Hoạt động của Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị

- Trong năm Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị đã thực hiện đầy đủ chức trách, nhiệm vụ với tinh thần trách nhiệm cao, phát huy vai trò Thành viên độc lập HĐQT trong việc đảm bảo quyền lợi cho cổ đông của Công ty.

e. Danh sách thành viên Hội đồng Quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty: Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc điều hành, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng đã hoàn thành Chương trình đào tạo Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp trong tiến trình chuyển đổi số từ ngày 30/11/2021 đến ngày 22/12/2021.

2. Ban Kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức danh trong BKS	Tỷ lệ nắm giữ Cổ phần
1	Ông Phạm Hùng Anh	Trưởng Ban Kiểm soát	1000 cổ phiếu
2	Ông Nguyễn Quang Đông	Kiểm soát viên	0%
3	Ông Lữ Văn Thụ	Kiểm soát viên	0%

2.2. Hoạt động của Ban Kiểm soát

a. Công tác kiểm tra, giám sát định kỳ

Ban Kiểm soát thực hiện công tác kiểm tra, giám sát định kỳ hàng quý theo kế hoạch kiểm soát hàng năm được ĐHCĐ thông qua.

b. Nội dung kiểm tra, giám sát

Năm 2021, Ban Kiểm soát đã thực hiện thẩm định BCTC hàng quý/bán niên/năm và đưa ra các ý kiến đánh giá hoạt động của HĐQT, Ban điều hành. Các kiến nghị của Ban Kiểm soát trong các báo cáo kiểm tra định kỳ đã được HĐQT, Ban điều hành Công ty ghi nhận và thực hiện trong công tác quản trị và quản lý Công ty.

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong hoạt động quản lý, điều hành SXKD; tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính (theo Luật Doanh nghiệp);

- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị (theo Luật Doanh nghiệp);
- Đánh giá việc thực hiện và xử lý các khuyến nghị của các đoàn kiểm tra thuộc cơ quan nhà nước, cơ quan chức năng có thẩm quyền tại Công ty;
- Đánh giá việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của Tổng Công ty đối với Người đại diện phần vốn Tổng Công ty tại doanh nghiệp;
- Đánh giá việc ban hành và thực hiện các Quy chế, Quy trình, Quy định nội bộ của Hội đồng quản trị và Người điều hành Công ty.

c. Phạm vi kiểm tra, giám sát

- Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính năm 2021 thuộc trách nhiệm của Người điều hành Công ty; Ban Kiểm soát căn cứ vào các quy định của Luật Kế toán, các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hiện hành, chính sách tài chính của Nhà nước và Quy chế tài chính của Công ty để thực hiện kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các kỹ thuật kiểm tra cần thiết, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên Báo cáo tài chính; Đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo. Ban Kiểm soát cho rằng công việc thẩm định đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho các ý kiến nhận xét và kiến nghị đúng với chức năng nhiệm vụ của mình theo quy định tại Điều lệ của Công ty. Đối với các hoạt động đầu tư, kinh doanh của Công ty, Ban Kiểm soát không trực tiếp tham gia quản trị điều hành, do đó Ban Kiểm soát tiến hành kiểm soát trên cơ sở hồ sơ, chứng từ do Công ty cung cấp.
- Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát: Ban Kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

d. Các cuộc họp của Ban Kiểm soát

d.1. Các cuộc họp định kỳ: trong năm 2021, BKS đã tổ chức bốn (04) cuộc họp định kỳ hàng quý

- Hình thức họp: trực tuyến.
- Thành phần tham dự: các thành viên BKS.

- Nội dung các cuộc họp:
- + Thông qua nội dung kiểm soát hàng quý;
- + Thống nhất kết quả kiểm soát và các kiến nghị đối với HĐQT, Ban Giám đốc Công ty.
- Kết quả các cuộc họp: 100% thống nhất các nội dung được đưa ra trao đổi, xin ý kiến trọng cuộc họp.

d.2. Họp chuyên đề:

Trong năm 2021, BKS thực hiện 1 số các cuộc họp liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát tại Chi nhánh Hà Tĩnh, trong đó:

- Hai (02) cuộc họp nội bộ giữa các thành viên BKS tập trung chủ yếu các ở các nội dung sau:
 - + Thông qua phạm vi, nội dung, cách thức thực hiện cuộc kiểm tra, giám sát, phân công nhiệm vụ giữa các thành viên BKS;
 - + Thống nhất kết quả kiểm tra, giám sát.
- + Một (01) cuộc họp giữa các thành viên BKS với thành viên HĐQT, Ban Giám đốc và đơn vị do BKS thực hiện cuộc kiểm tra kiểm tra giám sát để thông báo kết quả làm việc, nêu các kiến nghị và thống nhất biên bản làm việc.
- Kết quả kiểm tra giám sát đã được HĐQT, Ban Giám đốc và đơn vị ghi nhận và thực hiện.

Ban Kiểm soát cho rằng công tác kiểm tra, kiểm soát và đưa ra ý kiến nhận xét/kiến nghị dựa trên những cơ sở và căn cứ hợp lý trong năm 2021 là đúng với chức năng nhiệm vụ của mình được quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Người điều hành Công ty và Ban kiểm soát

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

3.1.1. Lương thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát, Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty



Stt	Họ và tên	Chức vụ	Hệ số lương	Đơn giá tiền lương vị trí (đồng/hệ số)	Đơn giá tiền lương hiệu quả (đồng/hệ số)	Ăn ca (đồng/tháng)
1	Ông Bùi Duy Nhị	Chủ tịch HĐQT	9,42	4.500.000	5.400.000	730.000
2	Ông Vũ Anh Tuấn	Thành viên HĐQT, Giám đốc	9,42	4.500.000		
3	Ông Phạm Hùng Anh	Trưởng BKS	6,27	4.500.000		
4	Ông Lê Đình Thái	Kế toán trưởng	6,71	4.500.000		

3.1.2. Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao/ tháng (Đồng)
1	Ông Phạm Đức Nghĩa	Thành viên HĐQT	3.000.000
2	Ông Mã Ngọc Kỳ	Thành viên HĐQT	3.000.000
3	Ông Vũ Huy Quang	Thành viên độc lập HĐQT	3.000.000
4	Ông Nguyễn Quang Đông	Thành viên BKS	2.000.000
5	Ông Lữ Văn Thụ	Thành viên BKS	2.000.000

3.2. *Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không có.*

3.3. *Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Không có.*

3.4. *Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Tuân thủ theo quy định pháp luật về quản trị Công ty.*

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1.1. Ý kiến kiểm toán

- Đơn vị kiểm toán độc lập: CÔNG TY TNHH Hãng kiểm toán AASC.
- Ý kiến kiểm toán viên: Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

1.2. Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán năm 2021: Chi tiết như đính kèm.

- Xem toàn văn Báo cáo tài chính tại website: www.pvps.vn/.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY
GIÁM ĐỐC**



Vũ Anh Tuấn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-31
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-31

M.S.D.A.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102560459 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 11 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ mười một ngày 26 tháng 07 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Bùi Duy Nhị	Chủ tịch
Ông Vũ Huy Quang	Ủy viên
Ông Phạm Đức Nghĩa	Ủy viên
Ông Vũ Anh Tuấn	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Anh Tuấn	Giám đốc
Ông Phan Xuân Thắng	Phó Giám đốc
Ông Vũ Quang Dũng	Phó Giám đốc
Ông Phùng Văn Đức	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Phạm Hùng Anh	Trưởng ban
Ông Nguyễn Quang Đông	Thành viên
Ông Lữ Văn Thụ	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

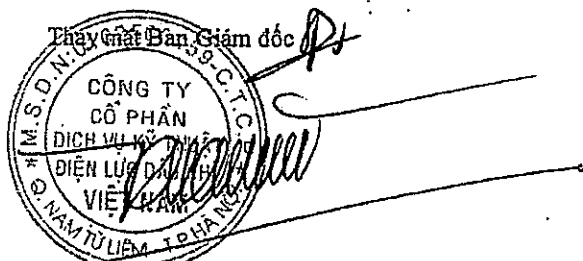
- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Vũ Anh Tuấn
Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2022



Số: 150322. 010 /BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam được lập ngày 15 tháng 03 năm 2022, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến thuyết minh số 07 - "Hàng tồn kho" phần thuyết minh Báo cáo tài chính, theo đó các chỉ phí của Ban chuẩn bị sản xuất dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 đang được Công ty theo dõi ở chỉ tiêu Hàng tồn kho với số tiền 7,085 tỷ đồng theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà Nước tại Biên bản kiểm toán ngày 28 tháng 05 năm 2020.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biền
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0743-2018-002-1

Ngô Hoàng Hà
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 3999-2018-002-1

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		386.981.642.135	432.778.700.185
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	87.271.432.992	49.727.074.029
111	1. Tiền		5.271.432.992	49.727.074.029
112	2. Các khoản tương đương tiền		82.000.000.000	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	5.170.000.000	5.170.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		5.170.000.000	5.170.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		284.849.013.556	364.119.100.826
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	282.715.432.752	361.095.128.076
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		24.000.000	349.000.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	2.109.580.804	2.674.972.750
140	IV. Hàng tồn kho	7	9.691.195.587	13.762.525.330
141	1. Hàng tồn kho		9.691.195.587	13.762.525.330
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		43.678.574.313	49.014.209.337
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		37.860.000	37.860.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	37.860.000	37.860.000
220	II. Tài sản cố định		12.829.870.173	18.836.934.177
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	12.793.395.339	18.751.999.947
222	- Nguyên giá		84.983.228.074	84.182.240.074
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(72.189.832.735)	(65.430.240.127)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	36.474.834	84.934.230
228	- Nguyên giá		2.288.155.290	2.288.155.290
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.251.680.456)	(2.203.221.060)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		2.098.181.818	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8	2.098.181.818	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	5.040.000.000	5.040.000.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		5.040.000.000	5.040.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		23.672.662.322	25.099.415.160
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	23.672.662.322	25.099.415.160
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		430.660.216.448	481.792.909.522

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		243.072.724.482	290.409.687.899
310	I. Nợ ngắn hạn		243.072.724.482	290.409.687.899
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	179.357.987.212	184.104.275.358
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	3.933.259.488	51.463.568.523
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	7.430.962.332	8.808.397.310
314	4. Phải trả người lao động		32.820.313.412	36.737.170.546
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	1.845.835.225	1.043.336.851
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	15.589.258.499	6.636.954.951
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		2.095.108.314	1.615.984.360
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		187.587.491.966	191.383.221.623
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	187.587.491.966	191.383.221.623
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		150.000.000.000	150.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		150.000.000.000	150.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		20.686.994.576	20.686.994.576
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		16.900.497.390	20.696.227.047
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		72.552.331	957.550.373
421b	LNST chưa phân phối năm nay		16.827.945.059	19.738.676.674
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		430.660.216.448	481.792.909.522

Hoàng Thị Hồng Trang
Người lập

Lê Đình Thái
Kế toán trưởng



Vũ Anh Tuấn
Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm,
Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	237.300.824.381	262.489.274.679
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		237.300.824.381	262.489.274.679
11	4. Giá vốn hàng bán	20	184.019.281.421	200.799.340.248
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		53.281.542.960	61.689.934.431
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	2.123.739.919	1.757.992.655
22	7. Chi phí tài chính	22	128.203.573	48.018.088
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	34.270.421.199	40.263.334.690
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		21.006.658.107	23.136.574.308
31	11. Thu nhập khác	24	103.406.970	2.107.420.715
32	12. Chi phí khác	25	85.203.765	441.394.179
40	13. Lợi nhuận khác		18.203.205	1.666.026.536
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		21.024.861.312	24.802.600.844
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	4.196.916.253	5.063.924.170
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>16.827.945.059</u>	<u>19.738.676.674</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	897	1.041



Hoàng Thị Hồng Trang
Người lập



Lê Đình Thái
Kế toán trưởng



Vũ Anh Tuấn
Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2021
(Theo phương pháp gián tiếp)

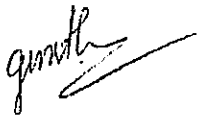
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		21.024.861.312	24.802.600.844
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		6.808.052.004	10.030.844.972
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(16.674.825)	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.107.065.094)	(1.264.864.019)
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	(1.420.244.266)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		25.709.173.397	32.148.337.531
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		79.533.003.626	(5.865.509.593)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		4.071.329.743	6.397.013.349
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(47.201.079.154)	11.570.263.412
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.426.752.838	1.579.514.148
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(5.008.440.261)	(4.315.418.482)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.644.550.762)	(3.823.216.317)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		54.886.189.427	37.690.984.048
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(2.899.169.818)	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	22.097.273
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.844.148.738	949.112.417
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.055.021.080)	971.209.690
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(16.282.513.839)	(20.870.998.437)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(16.282.513.839)	(20.870.998.437)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		37.548.654.508	17.791.195.301

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

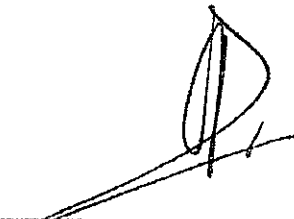
Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

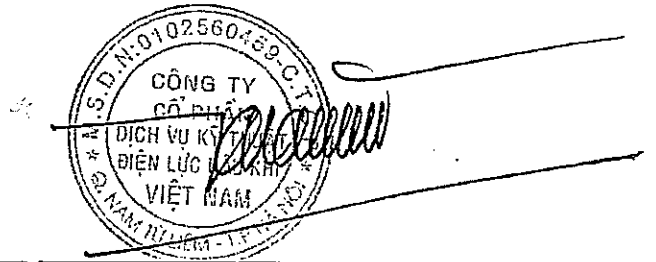
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		49.727.074.029	31.935.878.728
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(4.295.545)	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>87.271.432.992</u>	<u>49.727.074.029</u>



Hoàng Thị Hồng Trang
Người lập



Lê Đình Thái
Kế toán trưởng



Vũ Anh Tuấn
Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Năm 2021

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102560459 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 11 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ mười một ngày 26 tháng 07 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 150.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 150.000.000.000 đồng; tương đương 15.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 483 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 473 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại, dịch vụ, xây lắp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ vận hành nhà máy điện;
- Dịch vụ kỹ thuật: bảo trì, bảo dưỡng, đại tu nhà máy điện bao gồm phần thiết bị nhà máy chính và các phần có liên quan.
- Kinh doanh vật tư máy móc;
- Kinh doanh vật tư thiết bị máy móc và hệ thống thiết bị dây chuyền đồng bộ phục vụ cho ngành điện, thông tin viễn thông và các ngành công nghiệp khác;
- Đào tạo cung cấp nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng sửa chữa và chuyển giao công nghệ các nhà máy điện và công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Tư vấn, thiết kế, biên dịch, biên soạn tài liệu và các giải pháp kỹ thuật nâng cao hiệu suất nhà máy điện, các giải pháp tiết kiệm năng lượng mới, năng lượng tái tạo và cả hệ thống thiết bị công nghiệp (Không bao gồm thiết kế công trình);
- Thi công trạm biến áp, đường dây truyền tải và hệ thống điện, hệ thống đo lường điều khiển tự động, hệ thống thông tin viễn thông và hệ thống cung cấp và xử lý nước cho công trình công nghiệp và dân dụng;
- Thi công lắp đặt các công trình công nghiệp;
- Đầu tư sản xuất thiết bị điện, phụ tùng vật tư cho ngành điện dầu khí và các ngành công nghiệp khác;
- Đại lý kinh doanh viễn thông;
- Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: cho thuê nhà sử dụng làm văn phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Cà Mau - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Cà Mau	Quản lý và điều phối công nhân thi công công trình trên địa bàn
Chi nhánh Nhơn Trạch - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Đồng Nai	Quản lý và điều phối công nhân thi công công trình trên địa bàn
Chi nhánh Hà Tĩnh - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Hà Tĩnh	Quản lý và điều phối công nhân thi công công trình trên địa bàn
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam tại Đà Nẵng - Trung tâm Thí nghiệm điện	Đà Nẵng	Kinh doanh dịch vụ thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng hợp đồng chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06	năm
- Máy móc, thiết bị	05-07	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07	năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05	năm

2.10 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ
Liên, Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí thuê văn phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng cho thuê.
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 năm đến 03 năm.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.13 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí hoạt động sửa chữa bảo dưỡng, chi phí quản lý... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.14 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán .

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua việc phân phối lợi nhuận.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

2.15 . Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.16 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.17 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

2.18 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

2.19 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.20 . Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm là sửa chữa các nhà máy điện và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	490.304.395	493.909.736
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.781.128.597	49.233.164.293
Các khoản tương đương tiền	82.000.000.000	-
	<u>87.271.432.992</u>	<u>49.727.074.029</u>

Tại ngày 31/12/2021, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 62 ngày đến 91 ngày có giá trị 82.000.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3,1%/năm đến 3,6%/năm.

Tại ngày 31/12/2021, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn của Công ty bao gồm 522.834.819 đồng (tại ngày 01/01/2021 là 293.295.662 đồng) gửi tại Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương Việt Nam (Oceanbank) đang tạm ngừng giao dịch. Ban Giám đốc Công ty đánh giá khoản tiền gửi này sẽ được giao dịch trở lại trong tương lai khi có những quy định cụ thể của Ngân hàng Nhà nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4 - CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Tiền gửi có kỳ hạn	5.170.000.000	-	5.170.000.000	-
	5.170.000.000	-	5.170.000.000	-

Tại ngày 31/12/2021 và tại ngày 01/01/2021, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn gốc 6 tháng có giá trị 5.170.000.000 đồng được gửi tại Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương với lãi suất 3,5%/năm. Khoản tiền này đang tạm ngưng giao dịch và Ban Giám đốc Công ty đánh giá khoản tiền gửi này sẽ được giao dịch trở lại trong tương lai khi có những quy định cụ thể của Ngân hàng Nhà nước.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	5.040.000.000	-	5.040.000.000	-
	5.040.000.000	-	5.040.000.000	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	Hà Nội	11,90%	11,90%	Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa, năng lượng

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 02/NQ/DVKT-HĐQT ngày 19 tháng 01 năm 2021, Công ty đang lên phương án thoái vốn tại Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin và Tự động hóa Dầu khí (PAIC) cụ thể như sau:

- Tổng số cổ phần chuyển nhượng: 504.000 cổ phần (toàn bộ cổ phần PAIC Công ty đang nắm giữ);

- Hình thức chuyển nhượng: theo giá thỏa thuận được thực hiện thông qua hợp đồng chuyển nhượng cổ phần;

- Giá trị chuyển nhượng: 10.503 đồng/cổ phần.

Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại Công ty chưa thực hiện được việc chuyển nhượng khoản đầu tư này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch (*)	184.418.523.597	-	188.865.752.386	-
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	25.986.443.908	-	136.778.483.483	-
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	13.730.166.711	-	9.954.476.572	-
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	22.073.464.748	-	21.593.070.206	-
Trung tâm dịch vụ kỹ thuật-Tổng Công ty điện lực Dầu khí Việt Nam-	32.393.633.453	-	-	-
Phải thu khách hàng khác	4.113.200.335	-	3.903.345.429	-
	282.715.432.752	-	361.095.128.076	-
b) Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan				
	279.334.310.499	-	357.385.617.570	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 30)

(*) Khoản phải thu Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch với số dư tại thời điểm 31/12/2021 là 184,4 tỷ đồng trong đó 172,2 tỷ đồng (tại ngày 31/12/2020: 172,2 tỷ đồng tương đương 6.651.961 Euro) liên quan đến phụ lục số 38 ngày 07 tháng 06 năm 2017 của Hợp đồng số 38/PVP - PVPS/2010/LTMA-NT1 ngày 04 tháng 08 năm 2010, về việc cung cấp vật tư MXL2 cho các tổ máy của nhà máy điện Nhơn Trạch 1, theo đó chủ đầu tư và Công ty đang thực hiện các thủ tục bàn giao vật tư buy back liên quan đến hợp đồng nêu trên và khoản phải thu trên sẽ được quyết toán khi hai bên hoàn tất trách nhiệm và nghĩa vụ của mình. (Xem thêm thông tin tại Thuyết minh số 12- Phải trả người bán ngắn hạn)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	302.400.000	-	201.600.000	-
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	254.170.685	-	92.054.329	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	-	-	49.824.663	-
Tạm ứng	1.286.286.191	-	2.011.461.020	-
Ký cược, ký quỹ	147.447.875	-	147.447.875	-
Phải thu khác	119.276.053	-	172.584.863	-
	2.109.580.804	-	2.674.972.750	-
b) Dài hạn				
Phải thu khác	37.860.000	-	37.860.000	-
	37.860.000	-	37.860.000	-

7 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	9.691.195.587	-	13.762.525.330	-
Nhà máy điện Nhơn Trạch 2	-	-	4.594.736.911	-
Nhà máy điện Formosa Hà Tĩnh	-	-	321.298.258	-
Dự án nhiệt điện Thái Bình 2 (*)	7.085.595.424	-	7.085.595.424	-
Các dự án khác	2.605.600.163	-	1.760.894.737	-
	9.691.195.587	-	13.762.525.330	-

(*) Phần chi phí phát sinh của ban chuẩn bị sản xuất dự án Nhiệt điện Thái Bình 2 đã được Công ty thực hiện điều chỉnh theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà Nước theo Biên bản Kiểm toán tại Công ty ngày 28 tháng 05 năm 2020. Ban Giám đốc Công ty dự kiến sẽ quyết toán chi phí của ban chuẩn bị sản xuất dự án này khi tham gia đấu thầu dịch vụ bảo dưỡng Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 khi nhà máy này đi vào vận hành.

8 . CHÍ PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Mua sắm tài sản cố định	2.098.181.818	-
- Mua xe ô tô	2.098.181.818	-
	2.098.181.818	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	1.334.200.000	40.496.382.714	18.717.128.728	23.634.528.632	84.182.240.074
- Mua trong năm	-	800.988.000	-	-	800.988.000
Số dư cuối năm	1.334.200.000	41.297.370.714	18.717.128.728	23.634.528.632	84.983.228.074
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	1.062.728.435	28.090.262.814	16.375.214.258	19.902.034.620	65.430.240.127
- Khấu hao trong năm	174.789.058	3.202.212.679	1.540.417.749	1.842.173.122	6.759.592.608
Số dư cuối năm	1.237.517.493	31.292.475.493	17.915.632.007	21.744.207.742	72.189.832.735
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	271.471.565	12.406.119.900	2.341.914.470	3.732.494.012	18.751.999.947
Tại ngày cuối năm	96.682.507	10.004.895.221	801.496.721	1.890.320.890	12.793.395.339

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định lưu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 42.670.274.615 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính có nguyên giá và hao mòn lũy kế tại ngày 31/12/2021 lần lượt là 2.288.155.290 đồng và 2.251.680.456 đồng. Khấu hao trong năm là 48.459.396 đồng. Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.045.858.290 đồng.

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Chi phí thuê văn phòng dài hạn (*)	22.863.998.037	23.491.842.400
Chi phí trả trước dài hạn khác	808.664.285	1.607.572.760
	<u>23.672.662.322</u>	<u>25.099.415.160</u>

(*) Khoản tiền thuê văn phòng theo hợp đồng thuê dài hạn với Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Việt Nguyên, Công ty thuê toàn bộ tầng 7 thuộc Tòa nhà HH3, Sóng Đà trong thời gian 49 năm kể từ ngày 21/06/2010, tổng số tiền trả một lần là 32.402.000.000 đồng. Khoản tiền thuê văn phòng trả trước sẽ được phân bổ vào chi phí hàng năm tương ứng với thời gian thuê.

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>31/12/2021</u>		<u>01/01/2021</u>	
	Số có khả năng trả		Số có khả năng trả	
	<u>Giá trị</u>	<u>nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>nợ</u>
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
General Electric Global Parts and Products GMBH(*)	172.390.738.621	172.390.738.621	174.909.903.158	174.909.903.158
Phải trả các đối tượng khác	6.967.248.591	6.967.248.591	9.194.372.200	9.194.372.200
	<u>179.357.987.212</u>	<u>179.357.987.212</u>	<u>184.104.275.358</u>	<u>184.104.275.358</u>

(*) Tại 31/12/2021, số dư phải trả General Electric Global Parts and Products GMBH là 172,39 tỷ đồng tương đương với 6.651.432 EUR (tại 01/01/2021: 172,45 tỷ đồng tương đương với 6.651.961 EUR) liên quan đến hợp đồng cung cấp vật tư thế hệ MXL2 cho các tổ máy của nhà máy điện Nhơn Trạch 1. Công ty đang thực hiện các thủ tục bàn giao vật tư buy back liên quan đến hợp đồng nêu trên và khoản phải trả trên sẽ được quyết toán. General Electric Global Parts and Products GMBH đã chấp nhận chủ trương bàn giao vật tư buyback có liên quan, đồng thời phối hợp với Công ty thực hiện các thủ tục bàn giao, dự kiến tiếp nhận và chuyển giao toàn bộ thiết bị trong quý 1/2022. (Xem thông tin tại Thuyết minh số 5).

13 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
a) Người mua trả tiền theo đối tượng lớn		
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	-	49.466.276.435
Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	3.933.259.488	1.997.292.088
	<u>3.933.259.488</u>	<u>51.463.568.523</u>
b) Trong đó: Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	<u>575.541.600</u>	<u>49.760.591.435</u>
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 30)		

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		5.269.817.731		18.287.155.330		18.503.398.784		-		5.053.574.277	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-		3.000.774.591		4.196.916.253		5.008.440.261		-		2.189.250.583	
Thuế Thu nhập cá nhân	-		537.804.988		2.625.460.036		2.975.127.552		-		188.137.472	
Các loại thuế khác	-		-		5.000.000		5.000.000		-		-	
	-		8.808.397.310		25.114.531.619		26.491.966.597		-		7.430.962.332	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
- Chi phí quản lý nhãn hiệu tập đoàn	476.190.476	-
- Chi phí đào tạo tay nghề và cải tiến kỹ thuật	639.000.080	804.883.430
- Chi phí phải trả khác	730.644.669	238.453.421
	<u><u>1.845.835.225</u></u>	<u><u>1.043.336.851</u></u>

16 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	282.512.638	272.078.599
- Bảo hiểm xã hội	359.828.551	57.837.209
- Bảo hiểm y tế	117.672.446	62.465.578
- Bảo hiểm thất nghiệp	3.341.268	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	9.750.000	9.750.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	735.222.516	517.736.355
- Các khoản chi phí tại các chi nhánh chưa thanh toán	12.952.470.647	4.531.661.649
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.128.460.433	1.185.425.561
	<u><u>15.589.258.499</u></u>	<u><u>6.636.954.951</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	150.000.000.000	20.686.994.576	15.016.006.769	185.703.001.345
Lãi trong năm trước	-	-	19.738.676.674	19.738.676.674
Phân phối lợi nhuận	-	-	(14.058.456.396)	(14.058.456.396)
Số dư cuối năm trước	150.000.000.000	20.686.994.576	20.696.227.047	191.383.221.623
Số dư đầu năm nay	150.000.000.000	20.686.994.576	20.696.227.047	191.383.221.623
Lãi trong năm nay	-	-	16.827.945.059	16.827.945.059
Phân phối lợi nhuận	-	-	(20.623.674.716)	(20.623.674.716)
Số dư cuối năm nay	150.000.000.000	20.686.994.576	16.900.497.390	187.587.491.966

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 75/NQ/ĐHĐCĐ-DVKT ngày 23/04/2021, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

Số tiền
VND
4.123.674.716
16.500.000.000

Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Chi trả cổ tức (bằng 11% vốn điều lệ)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	76.500.000.000	51,00%	76.500.000.000	51,00%
TYTL Power Service Sdn. Bhd.	27.000.000.000	18,00%	27.000.000.000	18,00%
Các cổ đông khác	46.500.000.000	31,00%	46.500.000.000	31,00%
	150.000.000.000	100%	150.000.000.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	150.000.000.000	150.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	<u>150.000.000.000</u>	<u>150.000.000.000</u>
- Vốn góp cuối năm	<u>150.000.000.000</u>	<u>150.000.000.000</u>
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	517.736.355	10.138.734.792
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	16.500.000.000	11.250.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	16.500.000.000	11.250.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(16.282.513.839)	(20.870.998.437)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	<u>(16.282.513.839)</u>	<u>(20.870.998.437)</u>
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	<u>735.222.516</u>	<u>517.736.355</u>

d) Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	20.686.994.576	20.686.994.576
	<u>20.686.994.576</u>	<u>20.686.994.576</u>

18 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động dài hạn với Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Việt Nguyên để thuê toàn bộ tầng 7, Tòa nhà HH3 sống Đà trong thời gian 49 năm kể từ ngày 21/06/2010, tổng số tiền trả một lần là 32.402.000.000 VND. Khoản tiền thuê văn phòng trả trước sẽ được phân bổ vào chi phí hàng năm tương ứng với thời gian thuê.

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2021	01/01/2021
- Đồng đô la Mỹ (USD)	1,49	1,49
- Đồng Euro (EUR)	1.026,64	1.065,02

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	237.300.824.381	262.489.274.679
	<u>237.300.824.381</u>	<u>262.489.274.679</u>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 30)	<u>217.540.663.643</u>	<u>237.847.492.599</u>

20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	184.019.281.421	200.799.340.248
	<u>184.019.281.421</u>	<u>200.799.340.248</u>
Trong đó: Mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan		
Tổng giá trị mua vào:	<u>1.125.853.120</u>	<u>675.893.257</u>

21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.804.665.094	1.041.166.746
Cổ tức, lợi nhuận được chia	302.400.000	201.600.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	515.225.909
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	16.674.825	-
	<u>2.123.739.919</u>	<u>1.757.992.655</u>

22 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	128.203.573	48.018.088
	<u>128.203.573</u>	<u>48.018.088</u>

23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.644.705.447	1.660.030.297
Chi phí nhân công	22.344.401.238	26.157.875.935
Chi phí khấu hao tài sản cố định	954.783.261	1.642.087.811
Thuế, phí, lệ phí	88.052.845	53.446.697
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.091.257.658	6.215.131.112
Chi phí khác bằng tiền	3.147.220.750	4.534.762.838
	<u>34.270.421.199</u>	<u>40.263.334.690</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

24 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	22.097.273
Hoàn nhập quỹ phát triển khoa học công nghệ	-	1.420.244.266
Tiền phạt thu được	102.497.880	369.857.803
Thu nhập khác	909.090	295.221.373
	103.406.970	2.107.420.715

25 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Tiền phạt hợp đồng	62.163.359	87.200.878
Tiền phạt chậm nộp thuế, BHXH	23.040.406	354.193.301
	85.203.765	441.394.179

26 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	21.024.861.312	24.802.600.844
Các khoản điều chỉnh tăng	262.119.951	576.595.578
- Chi phí không hợp lệ	262.119.951	576.595.578
Các khoản điều chỉnh giảm	(340.339.984)	(1.786.289.839)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(302.400.000)	(201.600.000)
- Thu nhập khác từ hoàn nhập quỹ phát triển khoa học công nghệ	-	(1.420.244.266)
- Thu nhập chịu thuế theo quyết toán năm trước	(37.939.984)	(164.445.573)
Thu nhập chịu thuế TNDN theo mức thuế suất 20%	20.946.641.279	23.592.906.583
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	7.587.997	32.889.115
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	4.196.916.253	4.751.470.431
Thu nhập chịu thuế TNDN từ hoàn nhập quỹ phát triển khoa học công nghệ	-	1.420.244.266
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 22%)	-	312.453.739
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	4.196.916.253	5.063.924.170
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	3.000.774.591	2.252.268.903
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(5.008.440.261)	(4.315.418.482)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	2.189.250.583	3.000.774.591

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

27 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2021	Năm 2020 (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	16.827.945.059	19.738.676.674
Các khoản điều chỉnh:	(3.365.589.012)	(4.123.674.716)
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế (*)</i>	(3.365.589.012)	(4.123.674.716)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	13.462.356.047	15.615.001.958
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	15.000.000	15.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	897	1.041

(*) Công ty tạm tính số trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 bằng 20% lợi nhuận sau thuế theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021 được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt ngày 23/04/2021.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được trình bày lại do ảnh hưởng của việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 75/NQ/ĐHĐCĐ-DVKT ngày 23/04/2021. Theo đó, giá trị lãi cơ bản trên cổ phiếu được trình bày lại cụ thể như sau:

	Năm 2020 (Số đã báo cáo)	Năm 2020 (Số trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	19.738.676.674	19.738.676.674
Các khoản điều chỉnh:	(3.947.735.335)	(4.123.674.716)
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế</i>	(3.947.735.335)	(4.123.674.716)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	15.790.941.339	15.615.001.958
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	15.000.000	15.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.053	1.041

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

28 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.239.987.845	6.676.627.345
Chi phí nhân công	144.461.300.302	146.027.836.735
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.808.052.004	10.030.844.972
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.419.844.209	31.229.574.908
Chi phí khác bằng tiền	22.494.920.767	42.140.801.796
	214.424.105.127	236.105.685.756

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

29 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

30 . NGHIỆP VỤ VÀ SỔ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVPower)	Công ty mẹ
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau (trực thuộc PVPower)	Đơn vị trực thuộc công ty mẹ
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch (trực thuộc PVPower)	Đơn vị trực thuộc công ty mẹ
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh (trực thuộc PVPower)	Đơn vị trực thuộc công ty mẹ
Trung tâm dịch vụ kỹ thuật (trực thuộc PVPower)	Đơn vị trực thuộc công ty mẹ
BQLDA Điện lực Dầu khí Long Phú 1	Đơn vị trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrinh	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	Cùng Công ty mẹ

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	217.540.663.643	237.847.492.599
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	17.004.848.683	33.014.856.989
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	43.919.479.827	69.871.366.276
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	64.685.778.787	75.525.048.198
Trung tâm dịch vụ kỹ thuật (PVPTSC)	31.079.343.680	-
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	54.501.377.240	55.911.949.809
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrinh	3.000.004.806	573.007.277
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	3.349.830.620	2.951.264.050
Mua hàng hóa dịch vụ	1.125.853.120	675.893.257
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	982.219.885	523.900.000
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	143.633.235	151.993.257

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải thu khách hàng	279.334.310.499	357.385.617.570
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	184.418.523.597	188.865.752.386
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	25.986.443.908	136.778.483.483
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	13.730.166.711	9.954.476.572
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	22.073.464.748	21.593.070.206
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrinh	31.515.400	31.515.400
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	700.562.682	162.319.523
Trung tâm dịch vụ kỹ thuật (PVPTSC)	32.393.633.453	-
Người mua trả tiền trước	575.541.600	49.760.591.435
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	-	49.466.276.435
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	294.315.000	294.315.000
BQLDA Điện lực Dầu khí Long Phú 1	281.226.600	-

Tổng thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị được hưởng như sau:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Hội đồng quản trị		
Ông Bùi Duy Nhị	955.745.558	1.042.908.678
Ông Vũ Huy Quang	36.000.000	22.142.857
Ông Phạm Đức Nghĩa	36.000.000	22.142.857
Ông Vũ Anh Tuấn	(*)	(*)

(*) Đã được trình bày ở phần thu nhập của ban Giám đốc như chi tiết bên dưới.

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Ban Giám đốc		
Ông Vũ Anh Tuấn	955.745.558	1.025.149.277
Ông Phan Xuân Thắng (Bổ nhiệm ngày 15/04/2021)	416.182.150	-
Ông Vũ Quang Dũng	736.440.627	789.975.396
Ông Phùng Văn Đức	736.440.627	785.132.649

31 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Hoàng Thị Hồng Trang
Người lập



Lê Đình Thái
Kế toán trưởng



Vũ Anh Tuấn
Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2022

Số: 64 /NQ/DVKT-HĐQT

Hà Nội, ngày 08 tháng 4 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Tại cuộc họp định kỳ quý I/2021 của Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam
(Phiên họp ngày 08/4/2021)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Biên bản cuộc họp Quý I năm 2021 của Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam ngày 08/4/2021,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam thống nhất nội dung sau:

Thông qua kết quả ước thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh Quý I năm 2021 (trước kiểm toán) như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu chính	Ước thực hiện Quý I năm 2021	Tỷ lệ thực hiện/ kế hoạch
Giá trị khối lượng thực hiện	46,17	99,5 %
Tổng chi phí	42,35	100 %
Lợi nhuận trước thuế	3,82	99,7 %

Điều 2. Sau khi xem xét các báo cáo, Hội đồng Quản trị yêu cầu Giám đốc Công ty hoàn thiện một số nội dung sau:

1. **Tình hình sản xuất kinh doanh và thu hồi công nợ tại Chi nhánh Đà Nẵng:**

HĐQT yêu cầu Giám đốc Công ty tiếp tục tập trung chỉ đạo thu hồi công nợ với NMTĐ Đăkđrink và chỉ đạo Chi nhánh Đà Nẵng tuân thủ quy chế, quy định quản lý của Công ty.

2. Các công việc triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh trong Quý II năm 2021:

- Thời gian tới Công ty cần tập trung triển khai các công việc phục vụ bảo dưỡng sửa chữa định kỳ và thường xuyên tại các nhà máy điện theo kế hoạch, góp phần đảm bảo cho các nhà máy điện vận hành an toàn, hiệu quả, đạt độ khả dụng và độ tin cậy cao; Thực hiện tiết giảm, tiết kiệm tối đa các khoản mục chi phí chưa thật sự cần thiết trong toàn Công ty để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- HĐQT yêu cầu Giám đốc Công ty tập trung chỉ đạo thu hồi công nợ với Công ty CP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.
- Trên cơ sở báo cáo của Giám đốc Công ty và các ý kiến tại cuộc họp, HĐQT đề nghị Giám đốc Công ty chỉ đạo tiếp tục rà soát tinh giảm đối với bộ máy quản lý, rà soát nhu cầu lao động trực tiếp để tuyển dụng nhân sự có trình độ kỹ thuật cao và lao động có tay nghề trên cơ sở định biên được phê duyệt.

3. Về chủ trương cho thuê một phần văn phòng Công ty tại Hà Nội:

HĐQT giao Giám đốc Công ty chỉ đạo khẩn trương thực hiện công tác cho thuê một phần văn phòng Công ty tại Hà Nội theo chủ trương tại Nghị quyết số 186/NQ/DVKT-HĐQT ngày 30/12/2020.

Điều 3. Giao Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam chỉ đạo các Phòng chức năng và các đơn vị trực thuộc Công ty triển khai thực hiện Nghị quyết này tuân thủ các Quy định của Công ty và Pháp luật hiện hành.

Điều 4. Ban Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các Phòng/Ban chức năng, Trưởng các đơn vị trực thuộc Công ty căn cứ Nghị quyết thực hiện./.

Nơi nhận:

- Thành viên HĐQT (e-copy);
- Ban Kiểm soát (e-copy);
- Như điều 4;
- Người công bố thông tin;
- Lưu: VT, HĐQT.



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Bùi Duy Nhị

Số: 112/NQ/DVKT-HĐQT

Hà Nội, ngày 14 tháng 7 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Tại cuộc họp định kỳ quý II/2021 của Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam
(Phiên họp ngày 13/7/2021)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Biên bản cuộc họp Quý II năm 2021 của Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam ngày 13/7/2021,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam thống nhất nội dung sau:

Thông qua kết quả ước thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2021 (trước kiểm toán) như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

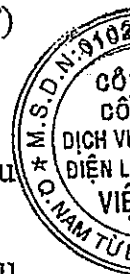
Chỉ tiêu chính	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2021	Tỷ lệ thực hiện/ kế hoạch
Giá trị khối lượng thực hiện	94,98	100 %
Tổng chi phí	88,04	100 %
Lợi nhuận trước thuế	6,94	101 %

Điều 2. Sau khi xem xét các báo cáo, Hội đồng Quản trị yêu cầu Giám đốc Công ty hoàn thiện một số nội dung sau:

1. Công tác phát triển dịch vụ:

Giám đốc Công ty tập trung chỉ đạo công tác phát triển dịch vụ hơn nữa theo chiến lược của Công ty.

Với HĐ BDSCTX Formosa Hà Tĩnh: Yêu cầu Giám đốc Công ty chỉ đạo xây dựng phương án mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ đối với khách hàng



Formosa sau khi kết thúc Hợp đồng BDSCTX dài hạn tại NMD Formosa Hà Tĩnh.

2. Công tác sửa chữa định kỳ các hệ thống tại NMD Vũng Áng 1, NMD Nhơn Trạch 2:

Giao Giám đốc Công ty chỉ đạo chuẩn bị tốt nguồn lực để có thể thực hiện sửa chữa định kỳ các hệ thống tại NMD Vũng Áng 1, NMD Nhơn Trạch 2 để khẳng định năng lực và thương hiệu PV Power Services; Báo cáo HĐQT phê duyệt các vấn đề phát sinh theo quy định (nếu có).

3. Các công tác khác:

Giao Giám đốc Công ty chỉ đạo thực hiện các công việc sau:

- Thực hiện hiệu quả công tác phòng chống dịch Covid-19, đảm bảo phòng chống dịch tốt để hoàn thành kế hoạch SXKD đề ra;
- Quan tâm chú trọng hơn nữa công tác sáng kiến cải tiến kỹ thuật, thực hiện báo cáo HĐQT định kỳ;
- Tiếp tục công tác cho thuê một phần văn phòng Công ty tại Hà Nội;
- Tuân thủ thời gian gửi báo cáo lên HĐQT kịp tiến độ yêu cầu và Ban điều hành lưu ý cần đưa ra thời hạn cụ thể hoàn thành các công việc.

Điều 3. Giao Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam chỉ đạo các Phòng chức năng và các đơn vị trực thuộc Công ty triển khai thực hiện Nghị quyết này tuân thủ các Quy định của Công ty và Pháp luật hiện hành.

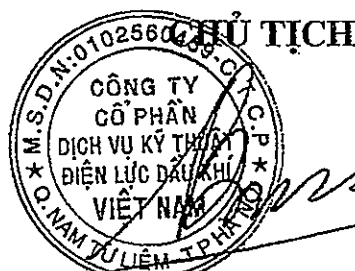
Điều 4. Ban Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các Phòng/Ban chức năng, Trưởng các đơn vị trực thuộc Công ty căn cứ Nghị quyết thực hiện./.

Nơi nhận:

- Thành viên HĐQT (e-copy);
- Ban Kiểm soát (e-copy);
- Như điều 4;
- Người công bố thông tin;
- Lưu: VT, HĐQT.

[Handwritten signature]

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Bùi Duy Nhị

Số: 160/NQ/DVKT-HĐQT

Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Tại cuộc họp định kỳ quý III/2021 của Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam
(Phiên họp ngày 21/10/2021)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Biên bản cuộc họp Quý III năm 2021 của Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam ngày 21/10/2021,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam thống nhất nội dung sau:

Thông qua kết quả ước thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh 10 tháng đầu năm 2021 như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu chính	Ước thực hiện 10 tháng đầu năm 2021	Tỷ lệ thực hiện/ kế hoạch
Giá trị khối lượng thực hiện	162,42	98%
Tổng chi phí	151,18	98%
Lợi nhuận trước thuế	11,24	99 %

Giao Giám đốc Công ty chỉ đạo tiếp tục thực hiện các công việc để hoàn thành nhiệm vụ SXKD năm 2021.

Điều 2. Sau khi xem xét các báo cáo, Hội đồng Quản trị yêu cầu Giám đốc Công ty hoàn thiện một số nội dung sau:



1. Thực hiện các kiến nghị của Ban Kiểm soát tại văn bản số 145/BKS-DVKT ngày 23/9/2021:

Giám đốc Công ty tiếp tục chỉ đạo thực hiện các kiến nghị của Ban Kiểm soát đã được nêu tại văn bản số 145/BKS-DVKT ngày 23/9/2021.

2. Công tác chuẩn bị sửa chữa định kỳ NMD Nhơn Trạch 2, Cà Mau 1:

Giao Giám đốc Công ty chỉ đạo chuẩn bị tốt nguồn lực để thực hiện sửa chữa định kỳ các hệ thống tại NMD Nhơn Trạch 2 và Cà Mau 1 để khẳng định năng lực và thương hiệu PV Power Services; Báo cáo HĐQT phê duyệt các vấn đề phát sinh theo quy định (nếu có).

Điều 3. Giao Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam chỉ đạo các Phòng chức năng và các đơn vị trực thuộc Công ty triển khai thực hiện Nghị quyết này tuân thủ các Quy định của Công ty và Pháp luật hiện hành.

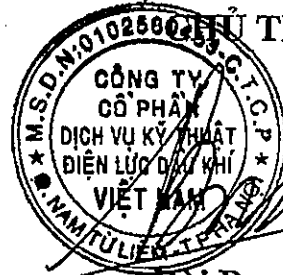
Điều 4. Ban Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các Phòng/Ban chức năng, Trưởng các đơn vị trực thuộc Công ty căn cứ Nghị quyết thực hiện./.

Nơi nhận:

- Thành viên HĐQT (e-copy);
- Ban Kiểm soát (e-copy);
- Như điều 4;
- Người công bố thông tin;
- Lưu: VT, HĐQT.

dlg

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Bùi Duy Nhị

Số: 04 /NQ/DVKT-HĐQT

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Tại cuộc họp định kỳ quý IV/2021 của Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam
(Phiên họp ngày 21/01/2022)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Biên bản cuộc họp Quý IV năm 2021 của Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam ngày 21/01/2022,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam thống nhất nội dung sau:

Thông qua kết quả ước thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2021 như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu chính	Ước thực hiện năm 2021	Tỷ lệ thực hiện/ kế hoạch
Doanh thu ước thực hiện	239,51	88%
Tổng chi phí	218,66	86%
Lợi nhuận trước thuế	20,85	105%

Giao Giám đốc Công ty chỉ đạo thực hiện lập kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 trình Hội đồng Quản trị để tạm giao kế hoạch năm 2022.

Điều 2. Sau khi xem xét các báo cáo, Hội đồng Quản trị yêu cầu Giám đốc Công ty thực hiện một số nội dung sau:

1. Triển khai thực hiện các công việc liên quan hoạt động SXKD năm 2022:

- Tập trung rà soát sửa đổi các quy chế quy định và rà soát lại phân cấp để đảm bảo phân công, giao việc khoa học, phù hợp.
- Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc cần tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra giám sát.
- Đổi mới các mặt hoạt động để nâng cao hiệu quả SXKD của Công ty theo hướng bền vững, lâu dài, đặc biệt tập trung công tác khảo sát, đánh giá phục vụ thực hiện đầu tư.
- Yêu cầu Ban Giám đốc tiếp tục quan tâm hơn nữa đến công tác sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất kinh doanh.
- Quyết liệt thực hiện công việc, không đổ lỗi cho cơ chế, quy chế, điều kiện ngoại cảnh.

2. Công tác sửa đổi Quy chế lương Công ty:

- Xem xét tham khảo Quy chế lương của Tổng Công ty và các đơn vị thuộc Tổng Công ty để hoàn thiện quy chế lương Công ty (Tham khảo thì tham khảo đầy đủ, đồng bộ và toàn diện).
- Xây dựng thiết kế bảng lương bảo đảm tương đồng về số lần chi lương giữa Người đại diện và Người lao động.
- Rà soát, xây dựng Tiêu chuẩn chức danh công việc hoàn thiện trong quý 1/2022.
- Giao Giám đốc chỉ đạo tiếp tục triển khai xây dựng Bộ khung năng lực để làm cơ sở đánh giá CBCNV phục vụ cho việc sắp xếp công việc và xếp lương.

3. Về Hợp đồng BDSCTX Formosa Hà Tĩnh:

Đề nghị Giám đốc sớm làm việc với Chủ đầu tư công trình Formosa để định hình công việc sau khi kết thúc Hợp đồng, đồng thời rà soát toàn bộ hợp đồng để có giải pháp quản trị phù hợp nhất.

Điều 3. Giao Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam chỉ đạo các Phòng chức năng và các đơn vị trực thuộc Công ty

10250
CÔNG
CỔ PHẦN
DỊCH VỤ KỸ
LUẬT ĐIỆN
LỰC DẦU
KHÍ VIỆT NAM
LIÊN

triển khai thực hiện Nghị quyết này tuân thủ các Quy định của Công ty và Pháp luật hiện hành.

Điều 4. Ban Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các Phòng/Ban chức năng, Trưởng các đơn vị trực thuộc Công ty căn cứ Nghị quyết thực hiện./.

Nơi nhận:

- Thành viên HĐQT (e-copy);
- Ban Kiểm soát (e-copy);
- Như điều 4;
- Người công bố thông tin;
- Lưu: VT, HĐQT.



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Bùi Duy Nhị

